

V/v mời chào giá vật tư, hóa chất,
môi trường sử dụng trong Hỗ trợ sinh sản

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm vật tư, hóa chất, môi trường sử dụng trong Hỗ trợ sinh sản (đợt 2) của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh thuộc dự toán Mua sắm vật tư, hóa chất, môi trường sử dụng trong Hỗ trợ sinh sản (đợt 2) của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Tuần Châu, tỉnh Quảng Ninh.
 - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Huỳnh Đức Thiện – Nhân viên khoa Dược, Số điện thoại: 032.7527693, email: duocsannhi@gmail.com.
 - Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Tuần Châu, tỉnh Quảng Ninh.
 - Nhận qua email: duocsannhi@gmail.com.
 - Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h00 ngày 21 tháng 01 năm 2026 đến trước 08h00 ngày 02 tháng 02 năm 2026.
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá.

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Môi trường rửa tinh trùng 30ml	Môi trường dùng để chuẩn bị tinh trùng; Môi trường đệm bicarbonate và đệm HEPES chứa Albumin huyết thanh người; pH (tại +37°C và 5% CO2): $7,35 \pm 0,10$; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 290 ± 5 ; Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): Không có sự phát triển của vi sinh vật; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: $< 0,25$; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong	ml	1.800

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi trong vòng 96 giờ): ĐẠT; Thành phần: Calcium chloride, EDTA, Gentamicin, Glucose, HEPES, Albumin huyết thanh người, Magnesium sulphate, Potassium chloride, Potassium dihydrogen phosphate, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Nước tiêm; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)		
2	Môi trường đông tinh 10ml	Môi trường dùng để đông lạnh tinh trùng; Môi trường đệm MOPS và bicarbonate chứa Albumin huyết thanh người; pH (tại $+20\pm 1^{\circ}\text{C}$ và môi trường xung quanh): $7,45\pm 0,20$; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 2700 ± 300; Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): Không có sự phát triển của vi sinh vật; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: $< 0,5$; Thử nghiệm khả năng sống sót của tinh trùng người [%]: ≥ 80; Thành phần: Calcium chloride, Chemically Defined Lipid Concentrate, Gentamicin, Glucose, Glycerol, Glycine, Albumin huyết thanh người, Magnesium chloride, MOPS, Potassium chloride, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium dihydrogen phosphate, Sodium hydroxide, Sodium lactate, Sucrose, Nước tiêm; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	ml	160
3	Môi trường rửa dụng cụ và làm sạch cổ tử cung	Dung dịch dùng để rửa dụng cụ và làm sạch cổ tử cung, không dùng để nuôi cấy; Dung dịch muối đệm bicarbonate; pH (tại $+37^{\circ}\text{C}$ và 6% CO_2): $7,30 \pm 0,10$; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5; Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): Không có sự phát triển của vi sinh vật; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: $< 0,25$; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): ĐẠT; Thành phần: Calcium chloride, Gentamicin, Magnesium sulphate, Potassium chloride, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium pyruvate, Nước tiêm; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	ml	42.000

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
4	Môi trường thao tác trứng chứa albumin huyết thanh người	Môi trường xử lý và thao tác với trứng và phôi; Môi trường đệm MOPS chứa Albumin huyết thanh người; pH (tại +37°C và 6% CO₂): $7,27 \pm 0,07$; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5; Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): Không có sự phát triển của vi sinh vật; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): ĐẠT; Thành phần: Alanine, Alanyl-glutamine, Asparagine, Aspartate, Calcium chloride, Gentamicin, Glucose, Glutamate, Glycine, Albumin huyết thanh người, Magnesium sulphate, MOPS, Potassium chloride, Proline, Serine, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium dihydrogen phosphate, Sodium hydroxide, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Taurine Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	ml	3.900
5	Môi trường thụ tinh	Môi trường để chuẩn bị và xử lý trứng và tinh trùng, và cho thụ tinh ống nghiệm; Môi trường đệm bicarbonate chứa Albumin huyết thanh người; pH (tại +37°C và môi trường 6% CO₂): $7,30 \pm 0,10$; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5; Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): Không có sự phát triển của vi sinh vật; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): ĐẠT; Thành phần: Alanine, Alanyl-glutamine, Asparagine, Aspartate, Calcium chloride, EDTA, Fructose, Gentamicin, Glucose, Glutamate, Glycine, Albumin huyết thanh người, Magnesium sulphate, Potassium chloride, Proline, Serine, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium dihydrogen phosphate, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Taurine, Nước tiêm; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	ml	2.000
6	Môi trường chuyển phôi	Môi trường dùng để chuyển phôi; Môi trường đệm bicarbonate chứa Hyaluronan và Albumin người tái tổ hợp; pH (tại +37°C và 6% CO₂): $7,30 \pm 0,10$; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5; Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): Không có sự phát	Lọ	80

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		triển của vi sinh vật; Nội độc tố vi khuẩn [IU hoặc EU/mL]: < 0,25; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; Thành phần: Alanine, Alanyl-glutamine, Arginine, Asparagine, Aspartate, Calcium chloride, Calcium pantothenate, Cystine, Gentamicin, Glucose, Glutamate, Glycine, Histidine, Hyaluronan, Isoleucine, Leucine, Lysine, Magnesium sulphate, Methionine, Phenylalanine, Potassium chloride, Proline, Pyridoxine, Albumin người tái tổ hợp, Riboflavin, Serine, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium dihydrogen phosphate, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Thiamine, Threonine, tri-Sodium citrate, Tryptophan, Tyrosine, Valine, Nước tiêm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có) Quy cách: Hộp ≥5x1,5 ml		
7	Môi trường cố định và cô lập tinh trùng	Môi trường cố định và cô lập tinh trùng trước khi làm ICSI; Dung dịch xử lý nhớt tinh trùng chứa albumin người tái tổ hợp và PVP; Mức độ an toàn tiết trùng (lọc tiết trùng): Không có sự phát triển của vi sinh vật; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25; Thử nghiệm phục hồi vận động tinh trùng người cho ICSI: ≥ 40% di động ban đầu; Đánh giá bằng kính hiển vi: ĐẠT; Thành phần: Calcium chloride, EDTA, Glucose, Magnesium sulphate, Polyvinylpyrrolidone (PVP), Potassium chloride, Potassium dihydrogen phosphate, Albumin người tái tổ hợp, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Nước tiêm; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có) Quy cách: Hộp ≥5x0,1 ml.	Hộp	90
8	Môi trường nuôi phôi liên tục	Môi trường nuôi cấy phôi từ khi thụ tinh đến giai đoạn túi phôi; Môi trường đệm bicarbonate chứa Hyaluronan và Albumin huyết thanh người; pH (tại +37°C và 6% CO2): 7,30 ± 0,10; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 270 ± 5; Mức độ an toàn tiết trùng (lọc tiết trùng): Không có sự phát triển của vi sinh vật; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi	ML	1.200

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		trong vòng 96 giờ): ĐẠT; Thành phần: Alanine, Alanyl-glutamine, Arginine, Asparagine, Aspartate, Calcium chloride, Calcium pantothenate, Cystine, EDTA, Gentamicin, Glucose, Glutamate, Glycine, Histidine, Albumin huyết thanh người, Hyaluronan, Isoleucine, Leucine, Lysine, Magnesium sulphate, Methionine, Phenylalanine, Potassium chloride, Proline, Pyridoxine, Riboflavin, Serine, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium citrate, Sodium dihydrogen phosphate, Sodium hydroxide, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Taurine, Thiamine, Threonine, Tryptophan, Tyrosine, Valine, Nước tiêm; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)		
9	Dung dịch chứa Hyaluronidase	Dung dịch dùng để loại bỏ tế bào cumulus; Đệm muối sinh lý chứa Hyaluronidase và Albumin huyết thanh người (Nồng độ hyaluronidase trong HYASETM là 800 IU/ml); pH (tại +37°C và môi trường xung quanh): $7,27 \pm 0,07$; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5; Mức độ an toàn tiết trùng (lọc tiết trùng): Không có sự phát triển của vi sinh vật; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,5; Thử nghiệm loại bỏ tế bào cumulus: ĐẠT; Thành phần: Calcium chloride, di-Sodium hydrogen phosphate, Gentamicin, Albumin huyết thanh người, Hyaluronidase, Magnesium chloride, Potassium chloride, Potassium dihydrogen phosphate, Sodium chloride, Nước tiêm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có) Quy cách: Hộp $\geq 5 \times 0,1$ ml.	Hộp	150
10	Kim giữ phôi có đầu nhọn góc 35°	Đường kính trong: 20-30 μm; Đường kính ngoài: 110-130 μm; Chiều dài kim: 50-60 mm, góc 35°; Vật liệu: thủy tinh borosilicate tránh bị tắc dầu bên trong; Phần đầu được đánh bóng bằng nhiệt; Kiểm nghiệm MEA-test và LAL-test; Được khử trùng; Đóng gói từng chiếc Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Cái	600
11	Kim chọc hút trứng	Kim 1 nòng Cắt vát mặt sau 2 vùng hồi âm laser ở đầu xa của kim. Đầu kim vát được thiết kế đặc biệt để xuyên qua mà không làm bong ra hay mang theo mảnh vụn vào trong lòng kim. Có 1 nòng nhựa đặt bên trong kim Dấu cảm nhận bằng tay cho biết vị trí mặt vát của kim. Tay cầm lớn, dễ cầm nắm và thao tác	Cái	3.000

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		4 miếng nhãn nhỏ để truy xuất nguồn gốc Mô tả: Chiều dài kim khoảng: 30 cm Đường kính kim 1.4 mm G 17 Kiểm nghiệm MEA-test và LAL-test. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)		
12	Đĩa nuôi cấy Φ40 mm	Dùng để lấy trứng, thụ tinh và nuôi cấy. Đường kính ngoài: 40 mm. Có gờ an toàn ở mép đĩa để giảm thiểu nguy cơ chảy tràn. Truyền nhiệt tối ưu: đáy phẳng, độ tiếp xúc 100% trên từng đĩa đơn và trên mọi loại đĩa; An toàn, không độc, không gây sốt; Vật liệu polystyrene. Được kiểm nghiệm MEA-test. Khử trùng bằng chiếu xạ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Cái	4.000
13	Dụng cụ chứa cộng trữ phôi	Chịu được nhiệt độ âm sâu khi trữ lạnh trứng hoặc phôi; Dẹt dài 140 mm; có 7 màu để phân biệt; Khả năng chứa cộng trữ phôi: 3 cộng 0,5 ml (không que), 8 cộng 0,25 ml (không que), 3 cộng 90 mm (có que); Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Cái	3.000
14	Dụng cụ chuyển phôi TDT	- Gồm 3 phần: Ống dẫn hướng, ống chuyển phôi, thanh định hình. - Ống dẫn hướng: + Phần cuối có thể uốn tạo hình + Có 2 vị trí đánh dấu khoảng cách 55 mm và 60 mm + Chiều dài toàn bộ: 210 ± 5 mm + Chiều dài làm việc: 185 ± 5 mm + Đường kính trong/ngoài phần tạo hình: 1,7/1,15 mm + Đường kính trong/ngoài phần còn lại: 1,6/2,6 mm - Ống chuyển phôi: + Mỏng ở đầu gần để dễ thao tác + Chiều dài toàn bộ: 265 ± 5 mm + Chiều dài làm việc: 230 ± 5 mm + Đường kính trong/ngoài: 0,6/1,0 mm - Thanh định hình: + Có dạng que kim loại với đặc tính dẻo. + Chiều dài toàn bộ: 235 ± 5 mm + Chiều dài làm việc: 210 ± 5 mm + Đường kính ngoài: 1 mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Cái	3.000
15	Ống bơm tinh trùng dài 23 cm.	Dùng để bơm tinh trùng vào buồng tử cung. Nguyên liệu: làm bằng nhựa Chiều dài toàn bộ: 230 mm (± 2 mm).	Cái	800

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Chiều dài nòng bơm (không tính cán): 200mm (± 2 mm). Đường kính ống bơm: 2mm (± 0.05 mm). Dung tích tối thiểu 0.08ml. Kiểm nghiệm MEA-test và LAL-test; Đã được tiệt trùng từng cái bằng tia cực tím. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)		
16	Môi trường xử lý và thao tác với trứng và phôi chứa HSA có bổ sung chất chống oxy hóa	Môi trường xử lý và thao tác với trứng và phôi có bổ sung chất chống oxy hóa; Môi trường đệm MOPS chứa Albumin huyết thanh người; pH (tại +37°C và môi trường xung quanh): $7,27 \pm 0,07$; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5 ; Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): Không có sự phát triển của vi sinh vật; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: $< 0,25$; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80 ; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): ĐẠT; Thành phần: Acetyl-carnitine, Acetyl-cysteine, Alanine, Alanyl-glutamine, Asparagine, Aspartate, Calcium chloride, EDTA, Gentamicin, Glucose, Glutamate, Glycine, Albumin huyết thanh người, Lipoic acid, Magnesium sulphate, Methionine, MOPS, Potassium chloride, Proline, Serine, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium citrate, Sodium dihydrogen phosphate, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Taurine, Nước tiêm; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	ml	2.500
17	Môi trường thụ tinh chứa HAS có bổ sung chất chống oxy hóa	Môi trường để chuẩn bị và xử lý trứng và tinh trùng, và cho thụ tinh ống nghiệm có bổ sung các chất chống oxy hóa; Môi trường đệm bicarbonate chứa Albumin huyết thanh người; pH (tại +37°C và môi trường 6% CO ₂): $7,30 \pm 0,10$; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5 ; Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): Không có sự phát triển của vi sinh vật; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: $< 0,25$; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80 ; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): ĐẠT; Thành phần: Acetyl-carnitine, Acetyl-cysteine, Alanine, Alanyl-glutamine, Asparagine, Aspartate, Calcium chloride, EDTA, Fructose, Gentamicin, Glucose, Glutamate, Glycine, Albumin huyết thanh người, Magnesium sulphate, Potassium chloride,	ml	24.000

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Proline, Serine, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium dihydrogen phosphate, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Taurine, Nước tiêm; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)		
18	Môi trường nuôi phôi liên tục có bổ sung chất chống oxy hóa	Môi trường nuôi cấy phôi từ khi thụ tinh đến giai đoạn túi phôi có bổ sung chất chống oxy hóa; Môi trường đệm bicarbonate chứa Hyaluronan và Albumin huyết thanh người; pH (tại +37°C và 6% CO2): $7,27 \pm 0,07$; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 265 ± 5 ; Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): Không có sự phát triển của vi sinh vật; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80 ; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): ĐẠT; Thành phần: Acetyl-carnitine, Acetyl-cysteine, Alanine, Alanine-glutamine, Arginine, Asparagine, Aspartate, Calcium chloride, Calcium pantothenate, Cystine, EDTA, Gentamicin, Glucose, Glutamate, Glycine, Histidine, Albumin huyết thanh người, Hyaluronan, Isoleucine, Leucine, Lysine, Magnesium sulphate, Methionine, Phenylalanine, Potassium chloride, Proline, Pyridoxine, Riboflavin, Serine, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium citrate, Sodium dihydrogen phosphate, Sodium hydroxide, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Taurine, Thiamine, Threonine, Tryptophan, Tyrosine, Valine, Nước tiêm; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	ml	3.600
19	Dầu paraffin phủ đĩa nuôi cấy độ nhớt cao	Dùng để phủ lên môi trường trong suốt quá trình thụ tinh trong ống nghiệm và các quá trình vi thao tác; Dầu paraffin nhẹ, độ nhớt cao (được lọc tiệt trùng); Mức độ đảm bảo tiệt trùng (lọc tiệt trùng): Không có sự phát triển của vi sinh vật; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: <0,25; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80 ; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): ĐẠT; Thử nghiệm dầu ở tinh trùng ở người: ĐẠT; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	ml	30.000
20	Pipette Pasteur tiệt trùng 150mm	Vật liệu: thủy tinh soda; Thân trên: đường kính ngoài: 6,5-8 mm;	Cái	10.000

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Tip hút: đường kính ngoài: 1,2 -1,8 mm; đường kính trong: 0,7 -1,5 mm; Bề dày thành ống: 0,5-0,6 mm; Dài 150 mm , kèm nút cấm Đã được thử nghiệm độc tính. Đạt kiểm nghiệm: MEA, LAL Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)		
21	Môi trường lọc tinh trùng	- Sil-Select Plus/ Upper layer 45% + pH=7,20-7,60; + Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280-310; + Sàng lọc nấm, vi khuẩn: Âm tính; + Nội độc tố vi khuẩn [EU/ml]: < 0,5. - Sil-Select Plus/ Lower layer 90% + pH=7,20-7,60; + Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 290-330; + Sàng lọc nấm, vi khuẩn: Âm tính; + Nội độc tố vi khuẩn [EU/ml]: <0,5; + Tỷ trọng [g/ml]: 1,1050 1,1150; + Thử nghiệm khả năng sống sót của tinh trùng[%]: ≥ 80; + Độ nhớt [cP]: < 1,65. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có) Quy cách: kit $\geq 2 \times 100$ml	Kit	10
22	Môi trường nuôi cấy phôi	Môi trường dùng để nuôi cấy phôi. Độ pH (at 37°C, 6 % CO₂) : 7.20-7.45 Osmolality (mOsm/kg): 270-290 Tiệt trùng: sterile - SAL 10-3 Endotoxins (EU/ml):< 0.25 MEA (Chuyển phôi sau 96 giờ tính bằng %): $\geq 80\%$ Thành phần gồm: NaCl, KCl, KH₂PO₄, MgSO₄.7H₂O, NaHCO₃, CaCl₂.2H₂O, D(+)-, Na-Lactate (50 % solution), Na-Pyruvate, EDTA, Alanyl-Glutamine, Water, non-essential and essential Amino Acids, 1% HAS Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	ml	2.000
23	Môi trường tách noãn	Môi trường dùng để tách noãn . Độ pH (tại 37°C): 7.2-7.60 Osmolality (mOsm/kg): 270-290 Tiệt trùng: sterile - SAL 10-3 Endotoxins (EU/ml):< 1 MEA (Chuyển phôi sau 96 giờ tính bằng %) : $\geq 80\%$ Thành phần gồm: 80 IU / ml hyaluronidase cấp được phẩm từ nguồn gốc bò được xử lý trong môi trường đệm HEPES. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	ml	100
24	Môi trường lọc rửa tinh	Môi trường các quá trình chuẩn bị tinh trùng của con người, kỹ	ml	200

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	trùng dùng CO2	thuật lọc và lọc tinh trùng cũng như cho mô tinh hoàn. pH (ở 37 ° C): 7,20-7,50 Độ thẩm thấu (mOsm / kg): 270-290 Vô trùng vô trùng - SAL10-3 (Mức độ đảm bảo vô trùng) Nội độc tố (EU / ml) <0,25 Thử nghiệm phôi chuột (MEA) ≥80 Thành phần: NaCl, KCl, KH2PO4, MgSO4.7H2O, NaHCO3, CaCl2.2H2O, D (+) - Glucose khan, Na-Lactate (dung dịch 50%), Na-Pyruvate, EDTA, Alanyl-Glutamine, 21 mM HEPES, nước, Axit amin không thiết yếu và thiết yếu, albumin huyết thanh người, Gentamicin, Phenolred. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)		
25	Môi trường ICSI PVP	Môi trường dùng để làm chậm khả năng vận động của tinh trùng. Độ pH: 7.20-7.60 Osmolality (mOsm/kg): 280-320 Tiệt trùng: sterile - SAL 10-3 Endotoxins (EU/ml): < 1.00 Độ nhớt (ở 25° C): > 170 cP MEA (Chuyển phôi sau 96 giờ tính bằng %): ≥ 80% Thành phần gồm: GM501 PVP là 10 % polyvinylpyrrolidone, HEPES, Lactate, Pyruvate, Glucose và dung dịch albumin người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có) Quy cách: Hộp ≥ 5 x 0,2 ml	Hộp	20
26	Dung dịch khử khuẩn, nấm dùng cho tủ ấm CO2 trong phòng IVF	Dùng để khử trùng bề mặt như sau: Bề mặt hi-Mac, Thủy tinh, nhựa, acrylic và kim loại. Đã được thử nghiệm MEA. + Dung dịch trong suốt, không mùi, không chứa cồn, không VOC + Có khả năng chống ăn mòn + Có thể khử trùng lâu dài / không bay hơi - Dung dịch không cần pha loãng. - Thời gian hiệu quả khử trùng 15 phút. - Hiệu quả với những những loại vi sinh vật sau: + Diệt khuẩn: Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus, Enterococcus hirae. + Diệt nấm: Candida albicans + Diệt khuẩn và diệt lao: Mycobacterium terrae, Mycobacterium avium + Diệt virus: Virus Vaccinia, Poliovirus, Adenovirus - Hiệu quả chống lại tất cả các loại virus bao gồm HIV, Viêm gan B và C, Herpes simplex, Cúm A, Ebola. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Bình	10

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Quy cách: Bình ≥ 5 lít		
27	Dung dịch vệ sinh sàn	Đã được thử nghiệm MEA và HSSA Không chứa cồn. Mức độ VOC rất thấp Tương thích với bề mặt và sàn phòng thí nghiệm, chất liệu thủy tinh, nhựa, gạch, cao su. - Hiệu quả chống lại tất cả các loại virus bao gồm HIV, Viêm gan B và C, Herpes simplex, Cúm A, Ebola Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có) Quy cách: Bình ≥ 2 lít	Bình	4
28	Dung dịch vệ sinh tủ cấy	Dùng để khử trùng bề mặt như sau: Bề mặt hi-Mac, Thủy tinh, nhựa, acrylic và kim loại. Đã được thử nghiệm MEA. + Dung dịch trong suốt, không mùi, không chứa cồn, không VOC + Có khả năng chống ăn mòn + Có thể khử trùng lâu dài / không bay hơi - Dung dịch không cần pha loãng. - Thời gian hiệu quả khử trùng 15 phút. - Hiệu quả với những những loại vi sinh vật sau: + Diệt khuẩn: Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus, Enterococcus hirae. + Diệt nấm: Candida albicans + Diệt khuẩn và diệt lao: Mycobacterium terrae, Mycobacterium avium + Diệt virus: Virus Vaccinia, Poliovirus, Adenovirus - Hiệu quả chống lại tất cả các loại virus bao gồm HIV, Viêm gan B và C, Herpes simplex, Cúm A, Ebola Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có) Quy cách: Bình ≥ 1 lít	Bình	6
29	Bơm tiêm 3 nắp 1ml	Bơm tiêm đầu thẳng có kim 1ml, gắn sẵn kim 27Gx1 0.5" - Nguyên liệu: Polypropylene - Vạch chia thể tích rõ ràng khó phai: Chịu được cồn isopropyl 70% - Chịu được áp lực 43.5psi nước trong 30 giây - Không chứa mù cao su, Không chứa DEHP, không chứa BPA, không tiềm ẩn nguy cơ BSE - Khoảng chết: 0.07 mL; Vạch đo chính: 1/10 mL; Vạch đo phụ: 1/100 mL - Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Cái	3.000
30	Ống nghiệm tiệt trùng 5 ml đáy tròn	Làm bằng Polypropylene. Thể tích 5ml. Có kết quả kiểm tra từng lô: Thử nghiệm trên phôi chuột: MEA $\geq 80\%$ Blastocyst.	Ống	3.000

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Không gây độc. nội độc tố. Khả năng sống sót và di chuyển của tinh trùng người (SMI $\geq$ 0.75%). Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)		
31	Ống nghiệm đáy tròn 14 ml.	Làm bằng Polypropylene. thể tích 14ml. Có kết quả kiểm tra từng lô: Thử nghiệm trên phôi chuột: MEA $\geq$ 80% Blastocyst. Không gây độc. nội độc tố. Khả năng sống sót và di chuyển của tinh trùng người (SMI $\geq$ 0.75%). Đã tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Cái	6.000
32	Ống nghiệm tiệt trùng 15 ml đáy nhọn	Làm bằng Polypropylene. thể tích 15ml. Thử nghiệm trên phôi chuột: MEA $\geq$ 80% Blastocyst. Không gây độc. nội độc tố. Khả năng sống sót và di chuyển của tinh trùng người (SMI $\geq$ 0.75%). Đã tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Cái	3.000
33	Pipette tiệt trùng 10 ml	Pipet nhựa thể tích 10 ml - Sản xuất từ nhựa siêu trong, không chứa các chất thôi ra: slip agents, biocides, plasticizers, Bisphenol A, latex. - Sản phẩm đã được tiệt trùng, không có chất gây sốt, DNA, Dnase, Rnase. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Cái	5.000
34	Môi trường hoạt hóa noãn	Độ pH (ở 37 °C, 6 % CO ₂): 7,0 -7,6. Osmolality (mOsm/kg): 400-450. Tiệt trùng: sterile - SAL 10 ⁻³ Endotoxins (EU/ml): < 0.25 MEA (Chuyển phôi sau 96 giờ tính bằng %): $\geq$ 80 Thành phần tối thiểu gồm: NaCl, KCl, KH ₂ PO ₄ , MgSO ₄ .7H ₂ O, NaHCO ₃ , CaCl ₂ .2H ₂ O, D(+)-Glucose anhydrous, Na-Lactate, Na-Pyruvate, EDTA, Alanine-Glutamine, Water Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có) Quy cách: Lọ $\geq$ 1ml	Lọ	8
35	Môi trường rã đông phôi	Bộ môi trường rã đông được sử dụng trong lab hỗ trợ sinh sản để rã đông phôi, trứng. Thành phần chứa: Modified HEPES Buffered MEM; Hydroxy Propyl Cellulose; Endotoxin free Trehalose - 5 lọ (x1.8ml) Warming Solution, TS - dung dịch làm ấm	Kit	750

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- 1 lọ (x 1.8ml) Diluent Soultion, DS - dung dịch pha loãng - 2 lọ (x 1.8ml) Washing Souution, WS - dung dịch rửa - Dùng cho 5 lần rửa, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)		
36	Cộng trữ trứng, phôi	Dụng cụ trữ lạnh cho tế bào trứng và phôi noãn của người. + Tổng chiều dài của cộng trữ phôi với nắp: 133 mm + Chiều dài của cộng trữ phôi: 104.5mm + Chiều dài của bản load phôi (film sheet): 18.5mm + Chiều dài của bản load phôi màu (colored film sheet): 2.42mm + Độ rộng của bản load phôi (film sheet): 1.4mm + Tổng chiều dài nắp: 65mm + Có đủ 5 màu sắc khác nhau để phân biệt. + Tiệt trùng bằng chiếu xạ Gamma. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Cái	4.500
37	Micropipette dùng với kim nhựa	- Dụng cụ micropipette cho hút mẫu sử dụng với kim pipette nhựa (có thể thay thế) - Thiết kế tiện dụng - Thể tích hút có thể điều chỉnh (tối thiểu $\approx 0,2 \mu\text{l}$, tối đa $\approx 3 \mu\text{l}$) - Tính năng đầy toàn bộ - Được thiết kế để sử dụng với hầu hết các micropipet nhựa (đường kính ngoài $\varnothing 0,9 \text{ mm}$, đường kính trong $0,6 \text{ mm}$) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Cái	2

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Vận chuyển và bàn giao tại Kho Khoa Dược – Tầng 4 nhà B – Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt giao hàng, sau khi bên mua nhận được đầy đủ chứng từ, biên bản bàn giao và nghiệm thu.

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Bùi Minh Cường

Phụ lục
BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Số TT yêu cầu báo giá	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Số văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu (Đối với mặt hàng là TBYT)	Thông số kỹ thuật cơ bản	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Đơn giá (VAT) (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1		Thiết bị A													
2		Thiết bị B													
3															
Tổng: ... mặt hàng											Tổng thành tiền: (Bằng chữ: ...)				

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))